

BIỂU TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

| STT | TÊN DOANH NGHIỆP                            | CHỈ TIÊU 1                |         |        |          | CHỈ TIÊU 2           |         |                              |    |                        |       |          | CHỈ TIÊU 3                     |                  |                 |                       |          | CHỈ TIÊU 4<br>XẾP LOẠI | CHỈ TIÊU 5<br>XẾP LOẠI | XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP |
|-----|---------------------------------------------|---------------------------|---------|--------|----------|----------------------|---------|------------------------------|----|------------------------|-------|----------|--------------------------------|------------------|-----------------|-----------------------|----------|------------------------|------------------------|-----------------------|
|     |                                             | TỔNG DOANH THU (TR. ĐỒNG) |         |        |          | LỢI NHUẬN (TR. ĐỒNG) |         | VỐN CSH BÌNH QUÂN (TR. ĐỒNG) |    | TỶ SUẤT LN/VỐN CSH (%) |       | XẾP LOẠI | KHẢ NĂNG THANH TOÁN NỢ ĐẾN HẠN |                  |                 | NỢ QUÁ HẠN (Tr. đồng) | XẾP LOẠI |                        |                        |                       |
|     |                                             | KH                        | TH      | TL (%) | XẾP LOẠI | KH                   | TH      | KH                           | TH | KH                     | TH    |          | TSNH (Tr. đồng)                | Nợ NH (Tr. đồng) | TSNH/NN H (Lần) |                       |          |                        |                        |                       |
| 1   | Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lai Châu  | 113.800                   | 112.399 | 98,77% | B        | 1.800                | 968     | -                            | -  | 6,5%                   | 3,52% | C        | 28.447                         | 8.635            | 3,29            | -                     | A        | A                      | -                      | C                     |
| 2   | Công ty TNHH MTV Quản lý thủy nông Lai Châu | 12.876                    | 12.018  | 93,34% | B        | -                    | -       | -                            | -  | -                      | -     | -        | 8.650                          | 6.656            | 1,30            | -                     | A        | A                      | A                      | A                     |
| 3   | Công ty TNHH Thủy điện huyện Mường Tè       | 2.133                     | 1.953,0 | 91,56% | B        | -                    | (3.185) | -                            | -  | -                      | -     | C        | 2.257                          | 689              | 3,3             | -                     | A        | A                      | -                      | C                     |